

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/09/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+GTCL+CTK3	7:25	21+1+0	0+0+0		19+0+2	0+0+0	
2		P8+P9	7:25	3+19	0+0		2+14	0+0	Chuyen 1 P8- P9
3		TD1+P8	7:25	6+16	0+0		5+16	0+0	
4		VSP01+P10+P7	9:25	18+4+0	0+0+0		17+1+4	0+0+0	
5		TGTH5+P6+BK21	9:25	3+14+5	0+0+0		3+14+5	0+0+0	
6		RP3+CTCL-TD2	9:25	3+0+18	0+0		0+1+21	0+0	
7		P2+P6+BK19	11:25	5+14+3	0+0+0		3+9+8	0+0+0	
8		TTC2+PPD	11:25	10+11	0+0		6+5	0+0	
9		AMD+P3	11:25	20+1	0+0		20+1	0+0	
10		T.UNG	11:30	16	0		17	0	
11		BK5+VSP01+TD3	13:25	4+16+0	0+0+0		0+12+9	0+0+0	chuyen 2 vsp01-td3
12		P2	13:25	20	0		3	0	

TTĐBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2023	TO: TD2 - GTC1 - CTK3	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Linh - MTHAO - QTrưởng	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GONCHAROV SERGEY	TD2	58	1	9	41	100	KHOAN	Russian
2	BUI VAN CHINH	TD2					86	KHOAN	Vietnamese
3	VUONG DINH LIEN	TD2	59	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
4	BUI NGOC DUNG	TD2	65	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
5	NGO VAN BAC	TD2	67	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
6	DO VAN CUONG	TD2	57	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
7	BUI NGOC DO	TD2	56	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
8	LE VIET CHIEN	TD2	66	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
9	VU XUAN PHONG	TD2	70-71	2	13		77	KHOAN	Vietnamese
10	CAO VAN LOI	TD2	53-54	2	18		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN HUY DUNG	TD2	50	1	4		84	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN DUC THINH	TD2	52	1	13		78	KHOAN	Vietnamese
13	DINH DUY HAI	TD2	60-61	2	17		76	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN TAI THUYET	TD2	48	1	3		58	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN DUAN	TD2	49	1	7		61	KHOAN	Vietnamese
16	LE TRUONG CHINH	TD2				40	65	SINH HUNG	Vietnamese
17	VU THAP TOAN	TD2					69	KHOAN	Vietnamese
18	HA VAN LINH	TD2	55	1	12		92	KHOAN	Vietnamese
19	PHAN TUAN ANH	TD2					90	KHOAN	Vietnamese
20	LE MINH DUC	TD2	51	1	3		91	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN CHI DUC	TD2	68-69	2	18		54	KHOAN	Vietnamese
22	PHAM DUY CHUNG	GTC1	84	1	8		68	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	21	21	141	1.596	81	20		
2	GTC1	1	1	8	68	0	0		
3	CTK3	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	22	149	1.664	81	22		
WEIGHT KG				149	1.664	81			

GRAND TOAL: 1.894 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT:	TO: P8 - P9	CREW: TUYỀN - Sơn - Vũ	ETA: 09:25
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LAZAREV	P8	02	1	5		82	KH-THAC	Russian
2	TRẦN VĂN QUẾ	P8	03	1	5	50	70	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ QUANG TRƯỜNG	P8	01	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
4	HOÀNG TRUNG KIẾN	P9	67-68	2	15		72	D-HANH	Vietnamese
5	VŨ VĂN TƯỜNG	P9	77-78	2	12		78	D-HANH	Vietnamese
6	DƯƠNG ĐIệp PHI	P9					72	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG THUY	P9					75	KHOAN	Vietnamese
8	CAO ĐÌNH THANH	P9	71	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN HẬU	P9	65	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
10	NHÂM ĐỨC QUANG	P9	76	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HUYNH	P9	69	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
12	PHAN VĂN THANH	P9	70	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG HẢO	P9	83	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ XUÂN TUYỀN	P9					62	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN VĂN HÙNG	P9	82	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
16	BUI NGỌC TỰ	P9	64	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN TIẾN HÒA	P9	81	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
18	HUYNH TRUNG NGHĨA	P9	66	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
19	VŨ TRẦN TRUNG	P9	79-80	2	15	20	70	CODIEN	Vietnamese
20	TRẦN XUÂN HOÀN	P9	74-75	2	15		59	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU HỒ	P9	72-73	2	13		70	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN TIỆP	P9	85-87	3	19		75	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	3	3	15	227	50	24	1	CHUYEN 01 PAX TU P8 SANG P9
2	P9	19	23	137	1.328	20	14		
TOTAL		22	26	152	1.555	70	16		
WEIGHT KG				152	1.555	70			

GRAND TOAL: 1.777 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2023	TO: TD1 - P8	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: VThắng - NPhú - Tú	ETA: 09:30
TRANG - 1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LAM VAN HANH	TD1	35	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN CUONG	TD1	40	1	5		44	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN NHAT THANH	TD1	38	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM VAN KHUONG	TD1	37	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN DINH LOC	TD1	36	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HUNG	TD1	39	1	5		75	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN TRONG HOA	P8	58	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN NHAN	P8	60	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN HUU BAO	P8	42	1	12		94	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DUC THANG	P8	51	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM TU ANH	P8	47	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG NAM HAI	P8	48-49	2	20		93	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TRI HUNG	P8	44	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
14	THAI QUAN	P8	43	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN THANH NAM	P8	56	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
16	TRUONG VAN TUNG	P8	54-55	2	6		60	KH-THAC	Vietnamese
17	DAO NGUYEN HUNG	P8	57	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN QUANG HUY	P8	46	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VINH DUNG	P8	50	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
20	LE QUANG THANG	P8	59	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
21	DUONG TRI NAM	P8	45	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
22	VO QUOC THONG	P8	52-53	2	15		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	6	6	33	385	0	5		
2	P8	16	19	119	1.157	0	16		
TOTAL		22	25	152	1.542	0	21		
WEIGHT KG				152	1.542	0			

GRAND TOAL: 1.694 KGS

VSP REP.

luc vsp.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	TO: VSP01 - P10 - P7	CREW: Linh - MTHAO - QTrương	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GRICHENKOV IU	VSP01	52-53	2	20		90	KH-THAC	Russian
2	BORVINSKY A.	VSP01	56	1	7		91	KH-THAC	Russian
3	HUYNH KIM KHANH	VSP01	57	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM HOANG THANH	VSP01	50	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN HAI HA	VSP01	58	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN DUC THIEN	VSP01	44	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG ĐỨC ANH	VSP01					72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN NAM SINH	VSP01	54	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN VAN CHAU	VSP01	45	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN VAN TRUONG	VSP01	55	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
11	TRINH TIEN BINH	VSP01	51	1	7		94	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN VAN THUY	VSP01					68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TRONG NAM	VSP01	47	1	11		90	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN QUOC TUAN	VSP01	46	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN THANH LOI	VSP01	48	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG PHUC LUONG	VSP01					80	KH-THAC	Vietnamese
17	LE THANH TUAN	VSP01	49	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC LAN	VSP01					71	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN LOC	P10	57	1	15	15	60	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN THANH NGAN	P10	59	1	9	20	65	XAYLAP	Vietnamese
21	TRAN VAN NAM	P10	56	1	17		69	XAYLAP	Vietnamese
22	TRAN CHINH CUONG	P10	61	1	7		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	18	15	110	1.363	0	17		
2	P10	4	4	48	262	35	1		
3	P7	0	0	0	0	44	4		
TOTAL		22	19	158	1.625	79	22		
WEIGHT KG				158	1.625	79			

GRAND TOAL: 1.862 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2023	TO: TGTH5 - P6 - BK21	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: N0 5	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Sơn - Vũ	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DO VAN THAO	TGTH5	40,50	2	11		68	HLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN HUU LUAT	TGTH5	51	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN VAN KHANH	TGTH5	41	1	8		56	KH-THAC	Vietnamese
4	CHERNIAVSKY A.	P6	43	1	8		114	KH-THAC	Russian
5	PIATOV S.	P6	45	1	10		89	KH-THAC	Russian
6	NGUYEN HUU NHAN	P6	300,34	2	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	VU DINH HOAN	P6	46-47	2	14		79	KH-THAC	Vietnamese
8	DO VAN TUNG	P6	35	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
9	THAI TRONG BINH	P6	39	1	11		79	KH-THAC	Vietnamese
10	VU VAN HOAN	P6	44	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG THỌ TÂM	P6	38	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN DUY NGOC	P6	40	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ QUANG HUY	P6	37	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG THAI ANH	P6	36	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM NGỌC QUY	P6	42	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẠO KIM SÂM	P6	41	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
17	HA DUY ĐÔNG	P6					90	KH-THAC	Vietnamese
18	PHUNG HA TAI	BK21	30-31	2	11	40	107	KH-THAC	Vietnamese
19	HA XUAN THANH	BK21	41	1	5		109	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TRUONG SINH	BK21	32-33	2	20		71	DVL	Vietnamese
21	NGUYEN TIEN THUAT	BK21	34	1	5		80	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN VAN TRINH	BK21	42	1	5		74	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH5	3	4	24	195	0	3		
2	P6	14	15	94	1.060	0	14		
3	BK21	5	7	46	441	40	5		
TOTAL		22	26	164	1.696	40	22		
WEIGHT KG				164	1.696	40			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 10:00
FLIGHT:	TO: RP3 - CTC1 - TD2	CREW: VThắng - NPhú - Tú	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ĐẮC TRUNG	RP3	32-33	2	15		63	VIỆN CN	Vietnamese
2	TRƯƠNG SỸ GIANG	RP3	31	1	5	20	72	D-HANH	Vietnamese
3	ĐẶNG THẾ ANH	RP3	35-36	2	13		63	NIPI	Vietnamese
4	ĐÌNH VĂN HUÂN	TD2	81	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
5	ĐÌNH VĂN TÀI	TD2	83	1	5		52	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	80	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
7	CU THANH NHAN	TD2	89	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN VĂN MINH	TD2	84	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ TUẤN NGHĨA	TD2	87	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG MINH SƠN	TD2	82	1	5		74	ANTOAN	Vietnamese
11	TRƯƠNG QUỐC THẮNG	TD2	77-78	2	19		80	DVL	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN NGỌC	TD2	91	1	5		65	DVL	Vietnamese
13	ĐẶNG VĂN CHUNG	TD2	90	1	5		68	DVL	Vietnamese
14	NGUYỄN CHI LINH	TD2	76	1	10	90	80	DVL	Vietnamese
15	VŨ BẢO THANH	TD2	74-75	2	8		65	NIPI	Vietnamese
16	PHẠM VĂN ĐO	TD2	88	1	5		67	PSV	Vietnamese
17	LÊ VĂN TÀI	TD2	97	1	5		73	PSV	Vietnamese
18	LÊ MINH HUY	TD2	79	1	5		75	PSV	Vietnamese
19	ĐÌNH EM	TD2	86	1	5		68	PSV	Vietnamese
20	TRỊNH HỒNG SƠN	TD2	85	1	7		67	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	3	5	33	198	20	0		
2	CTC1	0	0	0	0	0	1		
3	TD2	17	19	109	1.169	90	21		
TOTAL		20	24	142	1.367	110	22		
WEIGHT KG				142	1.367	110			

GRAND TOAL: 1.619 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 07	TO: P2 - P6 - BK19	CREW: CHIẾN - ĐNam - Toan	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN HUY	P2	26	1	12		66	CODIEN	Vietnamese
2	ĐẶNG PHÚC THIÊN	P2	28	1	15		88	CODIEN	Vietnamese
3	PHẠM DUY HÙNG	P2	29-30	2	19		67	CODIEN	Vietnamese
4	HOÀNG MINH TUẤN	P2	27	1	12		78	CODIEN	Vietnamese
5	ĐẶNG QUANG DƯƠNG	P2	25	1	5		72	XAYLAP	Vietnamese
6	HOÀNG VĂN THÁI	P6	71	1	5	20	65	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ ĐẠI THANH	P6	80	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ TRUNG TUẤN	P6	95	1	13		72	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN XUÂN KHANH	P6	94	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN HỒNG GIANG	P6	84	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
11	DƯƠNG VĂN CƯỜNG	P6	83	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN HUY THÁI	P6	86-87	2	15		80	KH-THAC	Vietnamese
13	HOÀNG TIẾN DŨNG	P6	93	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN DŨNG	P6	69,79	2	17		73	XAYLAP	Vietnamese
15	HOÀNG VĂN THĂNG	P6	89-90	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐÌNH QUỐC TRƯỞNG	P6	91-92	2	17		85	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC HÙNG	P6	85	1	5		66	PSV	Vietnamese
18	HOÀNG VĂN TRỌNG	P6	81-82	2	17		80	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN CÔNG MẠNH	P6	88	1	7		80	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN SAU	BK19	16	1	6	20	70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH HUY	BK19	14	1	10		83	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN QUỐC VIỆT	BK19	15	1	10		64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	5	6	63	371	0	3		
2	P6	14	19	141	1.027	20	9		
3	BK19	3	3	26	217	20	8		
TOTAL		22	28	230	1.615	40	20		
WEIGHT KG				230	1.615	40			

GRAND TOAL: 1.885 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/09/2023	TO: TTC2 - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Dương - N.ANH - N.Nam	ETA: 14:05
VANG-3			

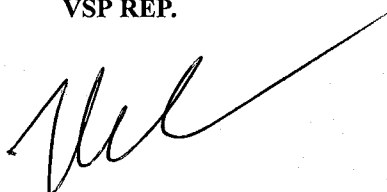
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ANH TUẤN	TTC2	11-12	2	15	40	75	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÀO TIẾN ĐẠT	TTC2	17-19	3	20		77	KH-THAC	Vietnamese
3	PHUNG MINH HIEU	TTC2	10	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
4	LƯU VĂN AN	TTC2	13	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI VĂN TUẤN	TTC2					56	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ PHƯƠNG	TTC2	28,68	2	7		56	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN KHIÊM HIỂU	TTC2	16	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN HOANG GIANG	TTC2	26-27	2	10		71	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ TIẾN QUÝ	TTC2	14-15	2	7		72	PSV	Vietnamese
10	TRẦN ĐÌNH ĐIẾP	PPD	96-97	2	14		75	CODIEN	Vietnamese
11	NGÔ KIM NGHIỆP	PPD	91	1	15	51	82	CODIEN	Vietnamese
12	ĐOÀN VIỆT ĐỒNG	PPD	93	1	15		75	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN CÔNG THANH	PPD	92	1	12		73	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH HOÀN	PPD	300,99	2	7		59	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN NHƯ Y	PPD	89-90	2	8	28	64	KHI	Vietnamese
16	PHẠM CÔNG THANH	PPD	87-88	2	13		61	KHI	Vietnamese
17	ĐÌNH VĂN BIÊN	PPD	94	1	10	18	73	KHI	Vietnamese
18	LAM TÂN TOÀN	PPD	95	1	7		67	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC LƯU	PPD	85	1	7		72	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN MINH ĐỒNG	PPD	86	1	5		45	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN MINH TRUNG	PPD	98	1	17		82	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

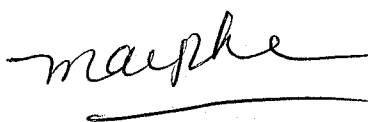
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	9	14	76	608	40	6		
2	PPD	12	16	130	828	97	5		
TOTAL		21	30	206	1.436	137	11		
WEIGHT KG				206	1.436	137			

GRAND TOAL: 1.779 KGS

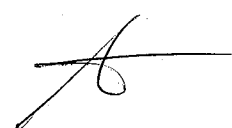
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:20
FLIGHT: 9	TO: AMD - P3	CREW: KHOAN - MTHAO - Thành	ETA: 14:10
HONG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN DAI NGHIA	AMD	67	1	6		71	HLJOC	Vietnamese
2	DUONG CHI PHONG	AMD	60	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
3	DAO MINH TUAN	AMD	45	1	5		88	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN ANH DUNG	AMD	68	1	9		69	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN TRUNG KIEN	AMD	43	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG VAN SAU	AMD	36	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
7	DOAN VAN THUONG	AMD	44	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM VAN QUAN	AMD	61	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN DAN	AMD	71-72	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN DUC TRUNG	AMD	65-66	2	6		59	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HUNG	AMD	69-70	2	15	100	68	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM VAN QUANG	AMD	59	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	DAO CONG BINH	AMD	38-39	2	15		67	KH-THAC	Vietnamese
14	LÀ NGOC MANH	AMD	37	1	15		62	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN VAN THUY	AMD	46	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ VAN TU	AMD	62	1	10		61	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN DINH CU	AMD	63-64	2	15		57	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN VAN KHANH	AMD	42	1	5		58	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN VU DUYEN	AMD	40	1	6		67	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VAN LINH	AMD	41	1	5		72	PSV	Vietnamese
21	DAO DINH HUY	P3	88	1	8		79	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	20	25	160	1.352	100	20		
2	P3	1	1	8	79	0	1		
TOTAL		21	26	168	1.431	100	21		
WEIGHT KG				168	1.431	100			

GRAND TOAL: 1.699 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

PC cầm đầu



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2023	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 622	ETD: 11:30
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: ĐTrung - Nam	ETA: 14:40
trang-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HỒNG QUANG	T.UNG	16-17	2	15		78	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG ANH MINH	T.UNG	09	1	5	75	76	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ ANH TUÂN	T.UNG	04-05	2	12		56	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN MINH TÂM	T.UNG	07	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN ĐÀ KHA	T.UNG	15	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÀO DUY TÚ	T.UNG	11	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese
7	DƯƠNG VĂN THÔNG	T.UNG	06	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH NAM	T.UNG	14	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN CUÔNG	T.UNG					70	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN SƠN	T.UNG					60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN ĐÀN	T.UNG	08	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN TRƯỞNG	T.UNG	13	1	3		66	PSV	Vietnamese
13	ĐỖ ĐĂNG THANH	T.UNG	03	1	5		65	PSV	Vietnamese
14	TRẦN VĂN CUÔNG	T.UNG	18	1	7		54	PSV	Vietnamese
15	HOÀNG THAI LONG	T.UNG	10	1	8		55	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN HAI TUNG	T.UNG	12	1	7		88	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	16	16	96	1.079	75	17		
TOTAL		16	16	96	1.079	75	17		
WEIGHT KG				96	1.079	75			

GRAND TOAL: 1.250 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:30
FLIGHT: 11	TO: BK5 - VSP01 - TD3	CREW: CHIẾN - ĐNam - Toan	ETA: 16:20
NAU-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ ĐÌNH QUANG	BK5	54-55	2	21		78	KH-THAC	Vietnamese
2	NGÔ HOANG NAM	BK5	56	1	15	15	76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU HÀ	BK5	50-51	2	17		74	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC TUÂN	BK5	52-53	2	14		63	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ QUANG THÀNH	VSP01	39-40	2	12		70	YTE	Vietnamese
6	NGÔ XUÂN ĐỨC	VSP01	45	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH TUNG	VSP01	32	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ HAI ĐĂNG	VSP01	35	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG MINH TÂM	VSP01	41-42	2	6		65	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN TÂN SANG	VSP01	46	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TUYỀN	VSP01	33	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VIỆT TUNG	VSP01	37-38	2	14		62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THƯỢNG HAI	VSP01	34	1	7		51	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN DUY ĐÔNG	VSP01	31	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN THANH HÀ	VSP01	43-44	2	11		66	KH-THAC	Vietnamese
16	LŨU ĐÌNH LỰC	VSP01	47-48	2	16		63	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HOANG HÀ	VSP01	49	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT MINH HOÀNG	VSP01	36	1	6		70	ANTOAN	Vietnamese
19	PHAN VĂN CHUNG	VSP01	26-27	2	10		76	ANTOAN	Vietnamese
20	ĐỖ CÔNG TIỀN	VSP01	28,30	2	19		74	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	4	7	67	291	15	0		CHUYEN 2 PAX VSP01-TD3
2	VSP01	16	23	145	1.097	0	12+2		
3	TD3	0	0	0	0	0	10		
TOTAL		20	30	212	1.388	15	22		
WEIGHT KG				212	1.388	15			

GRAND TOAL: 1.615 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

liên VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2023	TO: P2	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:40
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: KHOAN - MTHAO - Thành	ETA: 16:30
TIM-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO VĂN HOÀNG	P2	48-50	3	12		61	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM ANH ĐỨC	P2	18-19	2	18		57	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ VĂN TÍNH	P2	20	1	15		61	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ CÔNG BẢNG	P2	21-23	3	19		60	XAYLAP	Vietnamese
5	MAI XUÂN TOÀN	P2	03	1	11		57	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ PHƯƠNG VIỆT ANH	P2	16-17	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN VĂN PHƯƠNG	P2	08-09	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN THANH	P2	14-15	2	19		63	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN VIÊN	P2	60,67	2	19		71	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN VĂN HIỆP	P2	46-47	2	20		92	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ VĂN HÙNG	P2	01-02	2	20		69	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ XUÂN TIẾN	P2	10-11	2	16		56	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN HAI BẢNG	P2	12-13	2	20		58	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN XUÂN NGỌC	P2	04	1	10	15	77	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN NAM ĐỊNH	P2	06-07	2	19		75	XAYLAP	Vietnamese
16	TRỊNH VĂN TÚ	P2	51-52	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ NGỌC ANH	P2	55-56	2	19		92	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN VĂN PHƯỢNG	P2	53-54	2	18		50	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ BA TUÂN	P2	65-66	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐO HUY KHANH	P2	24	1	7		81	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	20	38	337	1.350	15	3		
TOTAL		20	38	337	1.350	15	3		
WEIGHT KG				337	1.350	15			

GRAND TOAL: 1.702 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu VSP